

Số: 182/2024/QĐST- HNGĐ

Nhơn Trạch, ngày 05 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 182/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “*Thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1968,

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: **Ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 245, quyển số 02/2002 ngày 04/10/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông **D** và bà **H** thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà thuận tình ly hôn. Ngày 27 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với ông **D** và bà **H** nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và

đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là **Trần Văn V**, sinh ngày 26/12/1994 và **Trần Minh C**, sinh ngày 08/7/1997. Các con hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** khai tự thỏa thuận nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận nêu trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung là **Trần Văn V**, sinh ngày 26/12/1994 và **Trần Minh C**, sinh ngày 08/7/1997. Các con hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

**2.5.** Về lệ phí: Ông **Trần Văn D** và bà **Nguyễn Thị H** mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông **D** và bà **H** mỗi người đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017872 và 0017873 cùng ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Ông **D** và bà **H** đã nộp xong lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu hs.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Tiến Trung**